

Bản án số: 68/2024/DS-ST.

Ngày: 12-9-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Kim An;

2. Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tụ - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: Số D, N, phường E, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật; Ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó giám đốc.

Người đại diện được uỷ quyền lại: Bà Đào Thị L1 – Chuyên viên xử lý nợ của ngân hàng; có mặt;

- Bị đơn: Ông Trần Thế K, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm F, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng lời khai tại phiên tòa, người ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á trình bày:

Ngân hàng TMCP Á cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Thế K căn cứ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho khách hàng cá nhân của ông Trần Thế K ký ngày 30/11/2021 (hai thẻ); thẻ thứ tín dụng 1 số 4365991001012146; cấp ngày 03/12/2021 số tiền 30.000.000đ, thẻ tín dụng 2 số 3567950000972914; cấp ngày 03/12/2021 số tiền 30.000.000đ; tổng là 60.000.000đ; hiệu lực thẻ đến ngày 31/12/2024. Lãi suất quá hạn. Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không thể tách rời của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 03/12/2021 đến ngày 19/12/2022 ông Trần Thế K đã thanh toán được tổng số tiền là 85.989.686đ; trong đó thẻ: 4365991001012146. Nợ gốc: 70.861đ; Thẻ 3567950000972914; Nợ gốc: 28.933.864đ, sau đó ông Trần Thế K không thanh toán nữa đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho A. Do đó các thoả thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn: Ngày 20/7/2022, A đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng số 4365991001012146 và thẻ tín dụng số 3567950000972914 sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Trần Thế K. Mặc dù trước đó phía ngân hàng đã ra thông báo cho ông Trần Thế K biết là phía ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với 02 khoản thẻ nêu trên.

Dư nợ tính đến ngày 12/9/2024 ông Trần Thế K còn nợ A cụ thể như sau:

Thẻ 4365991001012146 nợ gốc 29.929.139đ; lãi trong hạn và quá hạn: 29.936.053đ; tổng: 59.865.192đ.

Thẻ 3567950000972914; nợ gốc không đồng; lãi trong hạn 1.066.136đ; quá hạn: 0; tổng: 1.066.136đ.

Tổng: 60.931.328đ.

Nay A yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thế K phải trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 12/9/2024 là 60.931.329đ; trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ. Buộc ông Trần Thế K còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân. Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 13/9/2024 đến ngày trả dứt nợ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho ông Trần Thế K thông qua UBND xã T để tổng đạt, do ông Trần Thế K không có mặt tại địa

phương nên không tổng đạt được và Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 299; 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng N; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Thế K phải có trách nhiệm trả số tiền gốc, lãi, lãi chậm trả cho A số tiền là 60.931.328đ; trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ tính đến ngày 12/9/2024 và lãi tiếp theo từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh xong khoản nợ.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người được nguyên đơn ủy quyền đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật và tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Đối với ông Trần Thế K không có mặt tại địa phương, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai nhưng ông Trần Thế K không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, điều đó ông K coi như là từ bỏ quyền lợi của mình nên phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[3] Để có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan và toàn diện như sau:

Để có nhu cầu phục vụ cuộc sống ông Trần Thế K có vay của Ngân hàng TMCP Á thể hiện ngày 30/11/2021, A đã cấp 2 thẻ tín dụng cho ông Trần Thế K mức vay mỗi thẻ là 30.000.000đ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và tính đến ngày 12/9/2024 dư nợ của ông Trần Thế K số tiền là 60.931.328đ; trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ.

Trong quá trình vay ông Trần Thế K đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán của

mình theo quy định. Đến ngày 20/7/2022 ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, A đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Sau khi ông K không thực hiện như cam kết hợp đồng A thường xuyên đôn đốc và thông báo nhiều lần làm việc để yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời A cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để ông K trả nợ. Tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký.

Như vậy, khẳng định khi ông Trần Thế K ký hợp đồng vay tiền với A là thẻ tín dụng kiêm giấy vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự cũng như Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân hàng N. Sau khi vay ông K đã trả được gốc và lãi, sau đó không trả được gốc, lãi nên ngân hàng chuyển sang tính lãi chậm trả là phù hợp từ thời điểm ngày 20/7/2022 đến ngày 12/9/2024 ngày xét xử số tiền dư nợ cả gốc và lãi là 60.931.328đ; trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ. Xét thấy, A yêu cầu ông Trần Thế K phải số tiền nói trên cũng như lãi tiếp theo như trong hợp đồng cho đến thi hành xong khoản tiền này là phù hợp.

Từ những phân tích lập luận đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của A buộc ông Trần Thế K phải trả số tiền gốc, lãi phạt chậm trả tính từ ngày 20/7/2022 đến ngày 12/9/2024 tổng số tiền 60.931.328đ; trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ và đề nghị Tòa án tuyên ông Trần Thế K phải trả lãi tiếp theo từ ngày 13/9/2024 cho đến ngày thi hành xong khoản tiền vay là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 299, 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng N; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á; Buộc ông Trần Thế K phải trả số tiền gốc, lãi chậm trả tính đến ngày 12/9/2024 60.931.328đ; (trong đó gốc là 29.929.139đ; lãi trong hạn và lãi quá hạn 31.002.189đ) cho Ngân hàng TMCP Á.

Kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Ông Trần Thế K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.046.000đ.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 1.122.746 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000105 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TO**

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện
- Chi cục THADS
- UBND xã ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

Phạm Ngọc Long

